

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1104 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi; khoa học và công nghệ; nông nghiệp; bảo hiểm; đất đai; đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổng hợp; tài chính đất đai; thú y; giảm nghèo thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh số: 1914/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc ban hành bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; 1948/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc ban hành bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 234/TTr-SNNMT ngày 02 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực chăn nuôi; khoa học và công nghệ; nông nghiệp; bảo hiểm; đất đai; đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổng hợp; tài chính đất đai; thú y; giảm nghèo thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các bước tiếp nhận, chuyển kết quả giải quyết và trả kết quả của quy trình nội bộ giải quyết TTHC tương ứng trong lĩnh vực chăn nuôi; khoa học và công nghệ; nông nghiệp; bảo hiểm; đất đai; đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổng hợp; tài chính đất đai; thú y; giảm nghèo thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành tại các Quyết định số: 1914/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025; 1948/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (có *Danh mục TTHC và Phụ lục Quy trình kèm theo*).

2. Nội dung quy trình nội bộ giải quyết TTHC tương ứng trong lĩnh vực chăn nuôi; khoa học và công nghệ; nông nghiệp; bảo hiểm; đất đai; đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổng hợp; tài chính đất đai; thú y; giảm nghèo thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số: 570/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025; 606/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025; 617/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025, 686/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025; 829/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2025, 896/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025; 1116/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; 1122/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; 491/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025; 1300/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025; 1639/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 tiếp tục còn hiệu lực thi hành.

3. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến thì Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã thực hiện cung cấp thông tin, **ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn** tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, giám sát và thực hiện việc giải quyết TTHC đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm soát việc chấp hành Quy trình nội bộ, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

về kết quả thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất xử lý trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC để thiết lập lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Hệ thống khác có liên quan theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện việc giải quyết TTHC đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC_{HTD} 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Tâm Hiến

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN,
TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI
HÀNH CHÍNH**

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
A	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
I	Lĩnh vực chăn nuôi		
1	1.012832.H48	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Cấp tỉnh
2	1.012833.H48	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Cấp tỉnh
3	1.012834.H48	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh
II	Lĩnh vực khoa học và công nghệ		
4	1.011647.H48	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Cấp tỉnh
III	Lĩnh vực nông nghiệp		
5	1.003388.H48	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Cấp tỉnh
6	1.003371.H48	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Cấp tỉnh
IV	Lĩnh vực bảo hiểm		
7	2.002169.H48	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
8	1.005411.H48	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Cấp tỉnh
V	Lĩnh vực đất đai		
9	1.013992.H48	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Cấp tỉnh
10	1.013993.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Cấp tỉnh
11	1.013994.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Cấp tỉnh
12	1.013995.H48	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Cấp tỉnh
13	1.013833.H48	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Cấp tỉnh
14	1.013947.H48	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Cấp tỉnh
15	1.013988.H48	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Cấp tỉnh
16	2.002750.H48	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Cấp tỉnh

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
17	1.012821.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Cấp tỉnh
18	1.012805.H48	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Cấp tỉnh
VI	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		
19	2.000746.H48	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ	Cấp tỉnh
VII	Lĩnh vực tổng hợp		
20	1.004237.000.00.00.H48	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Cấp tỉnh
VIII	Lĩnh vực tài chính đất đai		
21	1.012996.H48	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Cấp tỉnh, xã
22	1.012995.H48	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Cấp tỉnh, xã
B	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU		
I	Lĩnh vực chăn nuôi		
1	1.012836.H48	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Cấp xã
2	1.012837.H48	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
II	Lĩnh vực thú y		
3	1.013997.H48	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Cấp xã
III	Lĩnh vực nông nghiệp		
4	1.003596.H48	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Cấp xã
IV	Lĩnh vực bảo hiểm		
5	1.005412.H48	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Cấp xã
V	Lĩnh vực đất đai		
6	1.014275.H48	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Cấp xã
7	1.014284.H48	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Cấp xã
8	1.013979.H48	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Cấp xã
9	1.013978.H48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Cấp xã
10	1.013967.H48	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp xã
11	1.012817.H48	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Cấp xã
12	1.012818.H48	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
		phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
13	1.012812.H48	Hòa giải tranh chấp đất đai	Cấp xã
14	1.012796.H48	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Cấp xã
15	1.012753.H48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Cấp xã
VI	Lĩnh vực giảm nghèo		
16	3.000412.H48	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Cấp xã
17	1.011608.000.00.00.H48	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Cấp xã
18	1.011607.000.00.00.H48	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Cấp xã
19	1.011606.000.00.00.H48	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Cấp xã
20	1.011609.000.00.00.H48	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Cấp xã

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Bổ sung “Bước 1a. Tiếp nhận phi địa giới” vào trước “Bước 1. Nộp hồ sơ”:

*Lưu ý: Trường hợp thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì thực hiện bước này (Bước 1a) và chuyển đến Bước 2 kế tiếp, không thực hiện **Bước 1. Nộp hồ sơ**.*

- Nội dung công việc:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ (*ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả*) và gửi Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Hệ thống. Đối với thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người yêu cầu đăng ký nộp bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

+ Thực hiện sao chụp, số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

+ Chuyển ngay hồ sơ điện tử về các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết qua dịch vụ bưu chính theo quy định.

+ Đồng thời, chuyển thông tin về hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của cơ quan có thẩm quyền để giám sát, đôn đốc.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.

2. Tại Bước. Phát hành và chuyển kết quả giải quyết: Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của người/đơn vị phát hành kết quả giải quyết thực hiện việc chuyển kết quả giải quyết (*hồ sơ kèm theo theo quy định (nếu có)*) đến cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc chuyển theo dịch vụ bưu chính đến địa điểm đăng ký để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

3. Bổ sung “Bước cuối. Trả kết quả phi địa giới”:

- Nội dung công việc:

+ Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu phiếu theo quy định (nếu có).

+ Thu lại các mẫu phiếu, giấy tờ theo quy định (nếu có), gửi lại cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính hoặc lưu trữ theo quy định.

+ Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.

+ Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.
